

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN NICOTEX MIỀN BẮC
NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN NICOTEX TIỀN HẢI**

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN NICOTEX TIỀN HẢI
NĂM 2024**

ĐỊA ĐIỂM: KCN Tiền Hải, xã Đông Lâm, Huyện Tiền Hải, Thái Bình, Việt Nam

Cơ quan chủ trì:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN NICOTEX MIỀN BẮC

THÁI BÌNH, THÁNG 02 NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN NICOTEX MIỀN BẮC
NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÂN BÓN NICOTEX TIỀN HẢI**

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NHÀ MÁY
SẢN XUẤT PHÂN BÓN NICOTEX TIỀN HẢI
NĂM 2024**

**ĐỊA ĐIỂM: KCN TIỀN HẢI, XÃ ĐÔNG LÂM, HUYỆN TIỀN HẢI,
THÁI BÌNH, VIỆT NAM**

Thời gian quan trắc: Từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024

CHỦ DỰ ÁN

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
Công Ty CP Tư Vấn Công Nghệ
Và Môi Trường

THÁI BÌNH, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
A. Thông tin chung của Doanh nghiệp/cơ sở.....	1
I. Tên doanh nghiệp.....	1
II.Loại hình sản xuất chính.....	1
III.Căn cứ pháp lý có liên quan đến cơ sở.....	1
PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	2
1.1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải.....	2
1.2. Kết quả quan trắc nước thải.....	7
1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải.....	7
1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động.....	10
2. Xử lý khí thải.....	10
2.1. Quan trắc khí thải định kỳ.....	10
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường.....	17
4. Về quản lý chất thải nguy hại.....	17
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.....	19
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.....	19
PHỤ LỤC : PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU, CÓ DẤU CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN QUAN TRẮC.....	24

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
KK	Không Khí
KPH	Không phát hiện
MPN/100ml	Số xác suất cao nhất trong 100ml
Mg/L	Milligram/ Lít
Mg/kg	Miligram / kg
µg/kg	Microgram/ kg
µS/cm	MicroSiemen /cm
ppt	Một phần nghìn
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SMEWW	Các phương pháp phân tích nước và nước thải
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Khối lượng công việc.....	7
Bảng 2: Thống kê vị trí điểm quan trắc.....	8
Bảng 3: Danh mục thông số quan trắc	8
Bảng 4: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải trước và sau xử lý tháng 3/2024; 5/2024; 09/2024; 12/2024	9
Bảng 5. Bảng mô tả thông số của hệ thống xử lý khí thải dây chuyền NPK	13
Bảng 6: Khối lượng công việc	16
Bảng 7: Thống kê vị trí điểm quan trắc	16
Bảng 8: Danh mục thông số quan trắc	16
Bảng 9: Kết quả phân tích khí thải.....	16

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của xí nghiệp.....	2
Hình 2. Sơ đồ thu gom và thoát bụi của hệ thống thu bụi túi vải	10
Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát bụi, khí thải của thiết bị xử lý bụi, khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK công suất 30.000 tấn/năm.....	11
Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát bụi, khí thải của thiết bị xử lý bụi, khí thải chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK công suất 20.000 tấn/năm	11
Hình 5. Cấu tạo Cyclon.....	13
Hình 6. Cấu tạo hệ thống thu bụi túi vải	15
Hình 7. Cấu tạo, thiết kế hệ thống thu bụi túi vải	16

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN NICOTEX MIỀN BẮC

Tên nhà máy: Nhà máy sản xuất phân bón Nicotex Tiền Hải

Người chịu trách nhiệm chính:

- Ông Lương Văn Ngọ - Giám đốc nhà máy
- Ông: Nguyễn Xuân Đức – Nhân viên phụ trách môi trường.

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THỰC HIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Những người tham gia thực hiện:

TS. Hà Mạnh Thắng

ThS. Hoàng Thị Ngân

ThS. Nguyễn Thanh Hòa

KS. Nguyễn Tuấn Anh

MỞ ĐẦU

A. Thông tin chung của Doanh nghiệp/cơ sở

I. Tên doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phân bón Nicotex miền Bắc
- Tên nhà máy: Nhà máy sản xuất phân bón Nicotex Tiền Hải
- Địa chỉ: KCN Tiền Hải – xã Đông Lâm – Huyện Tiền Hải - Thái Bình
- Điện thoại: 097867382
- Đại diện: Ông Lương Văn Ngọ; Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp
- Cán bộ phụ trách môi trường: Ông Nguyễn Xuân Đức
- Quy mô diện tích: 29.665 m²
- Diện tích xây dựng: 16.230,5 m²
- Diện tích cây xanh và thảm cỏ: 5.668 m², chiếm khoảng 19% tổng diện tích nhà máy.
- Tổng số lao động: 65 người.

II. Loại hình sản xuất chính

Loại hình sản xuất chính: Sản xuất, đóng gói phân bón NPK hỗn hợp, phân bón hữu cơ, phân bón lá, phân tưới gốc

III. Căn cứ pháp lý có liên quan đến cơ sở

+ Quyết định số 2204/QĐ-BTNMT ngày 09/07/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4233387576 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 07 năm 2016, cấp lần thứ 4 vào ngày 06 tháng 09 năm 2022

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

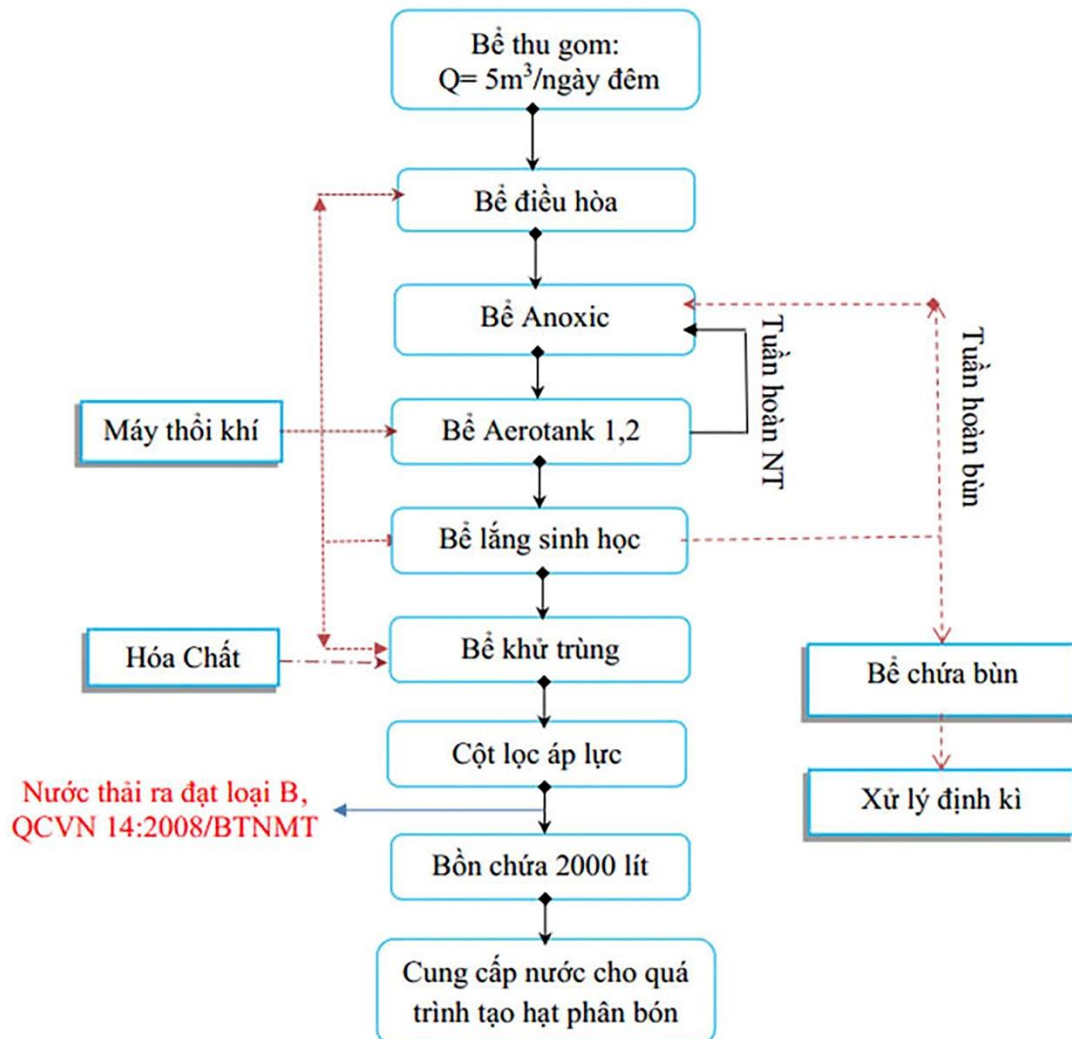
1.1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1.1. Xử lý nước thải

Trong quá trình hoạt động của Nhà máy có phát sinh nước thải chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy. Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom bằng hệ thống ống ở từng khu vực và nối vào tuyến thu gom tập trung dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt nhà máy

Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt chủ yếu là nước từ nhà vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy. Hiện tại nước thải sinh hoạt của nhà máy được thu gom bằng các tuyến ống thu gom nước thải tập trung.

Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải của xí nghiệp

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ**

Toàn bộ nước thải phát nước thải từ các nhà vệ sinh của công ty được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về bể thu gom nước thải.

*** Bể thu gom**

Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím, ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Bể thu gom nước thải có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải và bơm nước thải vào bể điều hoà để bắt đầu quá trình xử lý.

*** Bể điều hoà**

Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím, ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tại bể điều hoà: việc thay đổi lưu lượng, nồng độ chất ô nhiễm là điều không tránh khỏi. Để các công trình sinh học được hoạt động ổn định chúng ta cần có bể điều hoà. Bể có chức năng điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải của công ty.

*** Bể xử lý sinh học thiếu khí (Bể Anoxic)**

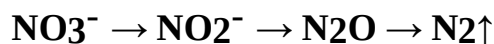
Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím, ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tại bể xử lý sinh học thiếu khí xảy ra quá trình xử lý các hợp chất hữu cơ nhờ vi sinh vật thiếu khí. Hiệu quả xử lý nước thải bể Anoxic giảm BOD5 , COD; hàm lượng N tổng , P tổng.

- Tại bể thiếu khí (Anoxic) trong điều kiện thiếu khí, hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N, P thông qua quá trình Nitrat hóa, khử Nitơ và Photphoril.

+ *Quá trình Nitrat hóa, khử Nitơ xảy ra như sau:*

Trong môi trường thiếu oxy, các loại vi khuẩn khử Nitrat denitrificans (dạng kỵ khí tùy tiện) sẽ tách oxy của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) để oxy hóa chất hữu cơ. Khí nitơ phân tử N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài. Như vậy là nitơ đã được xử lý theo chuỗi chuyển hóa sau:

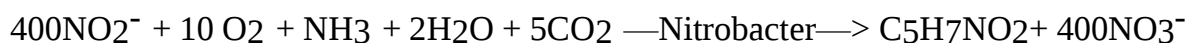
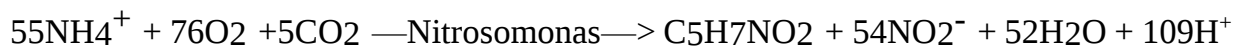


Để quá trình khử Nitơ diễn ra, hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter.

Quá trình nitrit hóa: $\text{NH}_4 + \text{O}_2 \xrightarrow{\text{Nitrosomonas}} \text{NO}_2^-$

Quá trình nitrat hóa: $\text{NH}_4 + \text{O}_2 \xrightarrow{\text{Nitrobacter}} \text{NO}_3^-$

Phương trình phản ứng:



+ *Quá trình Photphoril hóa:*

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

Cũng tại đây các chất dinh dưỡng có trong nước thải được bổ sung cho quá trình khử nitơ.



Để quá trình Nitrat hóa và Photphoril hóa diễn ra thuận lợi, tại bể Anoxic bố trí motor khuấy với tốc độ khuấy phù hợp. Motor khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển.

***Bể xử lý sinh học hiếu khí (Bể Aerotank)**

Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím,

ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

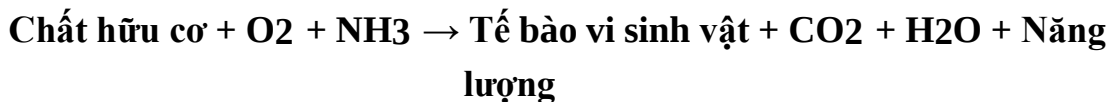
Tại bể hiếu khí, nhờ quá trình cấp khí cưỡng bức nhằm đảm bảo nồng độ oxy trong bể khoảng 2 – 4 mg/lít để cung cấp dưỡng khí cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí phân hủy sinh hoạt các hợp chất hữu cơ. Tại đây nhờ quá trình phân hủy các chất hữu cơ dưới tác dụng của vi sinh vật hiếu khí, xử lý toàn bộ các chất hữu cơ.

Các phản ứng chính xảy ra trong bể xử lý sinh học hiếu khí như:

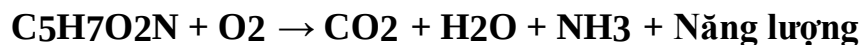
- Quá trình Oxy hóa và phân hủy chất hữu cơ:



- Quá trình tổng hợp tế bào mới:



- Quá trình phân hủy nội sinh:



Nồng độ bùn hoạt tính duy trì trong bể Aerotank: 2500-3000 mg/l. Hệ vi sinh vật trong bể Aerotank được nuôi cấy bằng chế phẩm men vi sinh hoặc từ bùn hoạt tính. Thời gian nuôi cấy một hệ vi sinh vật hiếu khí từ 2 – 6 tuần. Oxy cấp vào bể bằng máy thổi khí.

***Bể lắng sinh học**

Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím, ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Bể lắng sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải, làm giảm SS nên được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể. Tại bể lắng, nước thải đi từ dưới lên trên qua ống trung tâm, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng ở đáy bể có hàm lượng SS = 8.000-12.000 mg/L, một phần sẽ bơm tuần hoàn trở lại bể sinh học thiếu khí (Aenoxic) (50-100% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ vi sinh, nồng độ MLSS = 2500-3000mg/L. Lưu lượng bùn dư thải ra mỗi ngày sẽ được bơm về bể chứa bùn và được xử lý định kỳ. Độ ẩm bùn hoạt tính dao động trong khoảng 98-99,5%. Phần nước trong sau lắng

được chảy về bể khử trùng.

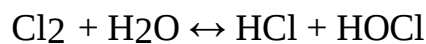
***Bể khử trùng**

Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím, ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khử trùng là biện pháp bắt buộc theo quy định của nhà nước, nhằm loại bỏ tất cả các loại vi khuẩn, vi rút có trong nước thải sau quá trình xử lý, để đảm bảo điều kiện vệ sinh và tránh các dịch bệnh mà các vi khuẩn đó gây ra.

Ngoài việc diệt các loại vi khuẩn gây bệnh, quá trình này còn tạo điều kiện để oxy hóa các chất hữu cơ và đẩy nhanh các quá trình làm sạch nước thải. Các loại hóa chất khử trùng thường dùng: Javen, chlorine, Ozon,...

- Khử trùng: Khi đưa Cl vào nước, Cl sẽ bị thủy phân theo phản ứng sau:



- Axit hypochloric HOCl rất yếu, không bền và dễ phân hủy ngay thành HCl và ôxy nguyên tử, hoặc có thể phân ly thành H^+ và OCl^-



Tất cả các chất HOCl, OCl^- là các chất oxy hóa mạnh, các chất này oxy hóa nguyên sinh chất và khử hoạt tính của men, làm tế bào bị tiêu diệt.

Nước thải sau thời gian tiếp xúc với hóa chất khử trùng, vi khuẩn bị tiêu diệt, nước thải sau bể khử trùng được bơm lên cột lọc áp lực.

***Cột lọc áp lực**

Nước thải sau khi khử trùng, được bơm vào cột lọc áp lực. Cột lọc áp lực có than hoạt tính nhằm hấp phụ một phần kim loại nặng và một số chất ô nhiễm có trong nước thải, lọc các huyền phù, bùn chết chảy từ bể lắng sinh học qua. Sau mỗi chu kỳ lọc, cần đánh bám trên bề mặt lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa ngược, cần bần sẽ được xối tung lên và các hạt vật liệu lọc va chạm, ma sát vào nhau sẽ tự làm sạch bề mặt của chúng, nước nhiễm bần được tháo ra khỏi bồn bằng đường thải riêng biệt. Nước thải đầu ra sau cột lọc áp lực đạt loại A, QCVN14:2008/BTNMT sẽ tự chảy ra bồn chứa nước để tái tuần hoàn sử dụng lại cho quá trình tạo hạt phân bón.

***Bể chứa bùn**

Thông số kỹ thuật: Bồn nhựa 3.000 lít – sản xuất tại Tập Đoàn Tân Á Đại Thành. Gồm 3 lớp: Lớp ngoài làm từ hạt nhựa màu cao cấp cho bề mặt sản phẩm láng mịn, kéo dài tuổi thọ bồn, lớp giữa màu đen có khả năng chống tia cực tím, ngăn hoàn toàn ánh sáng xuyên qua hạn chế tối đa sự hình thành rong, rêu giữ cho nguồn nước trong sạch, lớp trong cùng có màu trắng với chất lượng tiêu chuẩn FDA về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trong quá trình xử lý nước thải, bùn phát sinh từ quá trình xử lý sinh học được thu gom về bể chứa bùn. Lượng bùn dư này được đi xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật (bằng các phương pháp: ép, phơi khô, nạo hút,...).

Toàn bộ nước thải sau xử lý được tuần hoàn sử dụng cung cấp nước cho quá trình tạo hạt của dây truyền sản xuất phân bón NPK

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

Năm 2024, Nhà máy đã thực hiện 4 đợt quan trắc nước thải, khối lượng công việc và tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc định kỳ được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 1: Khối lượng công việc

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Số lần lấy mẫu		
		Tổng số mẫu	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
I	Nước thải			
1	pH	04	04	00
2	BOD5	04	04	00
3	TSS	04	04	00
4	Tổng nitơ	04	04	00
5	Tổng photpho	04	04	00
6	Coliform	04	04	00

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải

- Thời gian quan trắc: Tháng 03/2024, tháng 06/2024, tháng 9/2024, tháng 12/2024.
- Tần suất quan trắc: Nước thải tần suất 3 tháng/lần.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 2: Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
1	Hệ thống xử lý nước thải	NT				
1.1	Sau HTXL	NT	12/03/2024	2255785,3	607506,2	Sau xử lý
			04/06/2024			
			30/9/2024			
			27/12/2024			

- Thông số quan trắc:

Bảng 3: Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1	Yếu tố vật lý: pH, TSS	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2
2	Yếu tố hóa học: BOD5, Tổng N, Tổng P, Coliform	
3	Yếu tố vi sinh: Coliform	

Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

1. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện quan trắc chất lượng nước thải đúng tần suất, thông số theo nội dung báo cáo ĐTM được phê duyệt.

2. Kết quả mỗi thành phần quan trắc được tổng hợp thành các bảng. Đối với phiếu trả kết quả quan trắc và phân tích có xác nhận của đơn vị thực hiện quan trắc cần lưu tại cơ sở để phục vụ cho hoạt động kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Bảng 4: Kết quả quan trắc chất lượng nước thải trước và sau xử lý tháng 3/2024; 5/2024; 09/2024; 12/2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	3/2024	5/2024	9/2024	12/2024	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B; K=1,2
1	pH	-	7,05	6,9	7,4	7,77	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	16,7	11,70	33	6,31	60
3	TSS	mg/L	59	62,71	26	18	120
4	Tổng nitơ	mg/L	283,28	20,52	10,29	5,67	-
5	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	3,57	0,8	0,18	1,08	-
6	Coliform	MPN/100mL	4.800	3.100	3.300	3900	6.000

Ghi chú:

- NT: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Nhận xét:

Kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy sau khi qua hệ thống xử lý tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm đều đạt tiêu chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số K=1,2

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Do lưu lượng xả thải và hệ thống xử lý của Công ty không nằm trong trường hợp phải lắp quan trắc tự động, cho nên trong phần này Công ty sẽ không mô tả về quan trắc tự động.

2. Xử lý khí thải

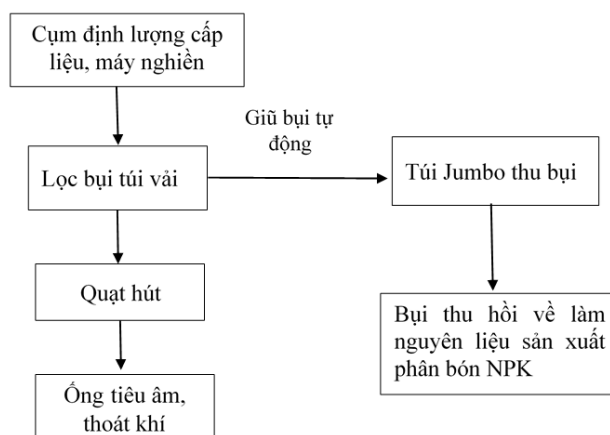
Trong quá trình sản xuất phân bón thường phát sinh bụi, khí thải, phát tán vào không khí. Nhà máy có 2 dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK, 1 dây chuyền có công suất 20.000 tấn và 1 dây chuyền có công suất 30.000 tấn. 1 dây chuyền sản xuất phân hữu cơ sinh học với công suất 10.000 tấn/năm. 1 dây chuyền phân bón lá, tưới gốc công suất 1.000.000 lít/năm

* Dây chuyền sản xuất phân bón hữu cơ với nguồn nguyên liệu than bùn có độ ẩm nhất định để hạn chế phát tán bụi và giảm nồng độ bụi trong quá trình sản xuất nhà máy thực hiện các biện pháp che chắn bị kết hợp nhà xưởng có trần cao để lưu thông không khí.

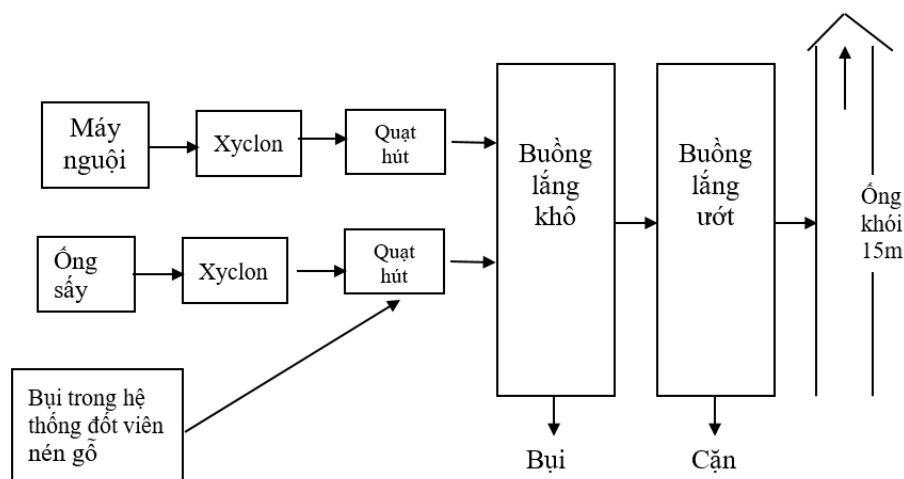
* Tại dây chuyền 30.000 tấn/năm nhà máy đầu tư 1 hệ thống xử lý bụi, khí thải với công suất 82.000 m³/h, và 1 hệ thống thu bụi túi vải công suất 11.000 m³/h.

* Tại dây chuyền 20.000 tấn/năm, nhà máy đầu tư 1 hệ thống xử lý bụi, khí thải với công suất 66.000 m³/h, và 1 hệ thống thu bụi túi vải công suất 11.000 m³/h.

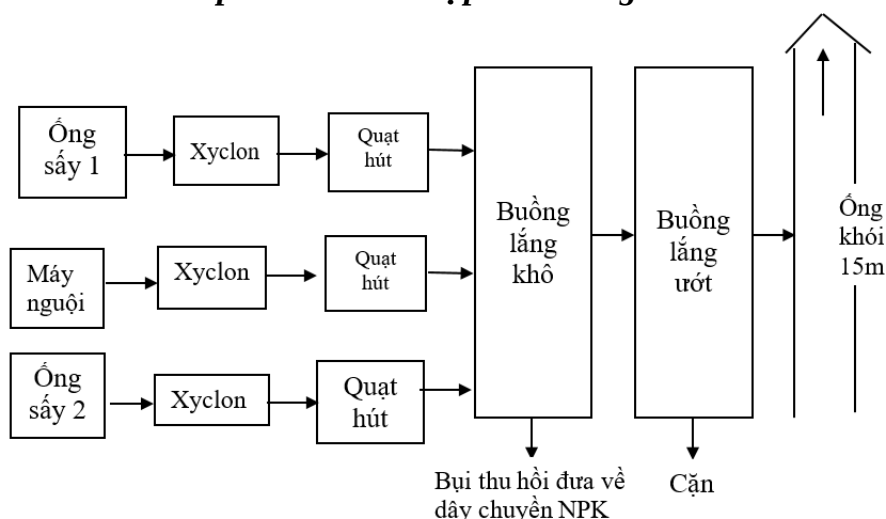
Đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ lượng bụi và khí thải phát sinh từ 2 dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK.



Hình 2. Sơ đồ thu gom và thoát bụi của hệ thống thu bụi túi vải



Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát bụi, khí thải của thiết bị xử lý bụi, khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK công suất 30.000 tấn/năm



Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát bụi, khí thải của thiết bị xử lý bụi, khí thải dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK công suất 20.000 tấn/năm

2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải tại dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK

- Dây chuyền sản xuất phân bón hỗn hợp NPK công suất 30.000 tấn/năm:

Để xử lý lượng bụi thải phát sinh trong dây chuyền sản xuất phát sinh bụi như (máy nguội, máy sấy, lò đốt nhiên liệu là viên nén gỗ) được lắp đặt các chóp thu khí và hút bụi. Với quạt hút công suất lớn (quạt hút sấy công suất 37kw, tương đương 37.000m³/giờ, quạt hút máy làm nguội có công suất 45kw tương đương 45.000 m³/ giờ, tổng công suất = 82.000m³/ giờ) dẫn không khí có chứa bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất qua Cyclon lắng bụi, sau đó qua buồng lắng bụi, lượng bụi phát sinh sẽ được thu hồi 95%, đến khi ra môi trường chỉ còn là khí sạch.

- Dây chuyền phân bón hỗn hợp NPK công suất 20.000 tấn/năm

Để xử lý lượng bụi thải phát sinh trong dây chuyền sản xuất phát sinh bụi

như (máy sấy, máy nguội) được lắp đặt các chóp thu khí và hút bụi. Với quạt hút công suất lớn (2 quạt hút sấy công suất 22 kw, tổng 2 quạt tương đương $44.000\text{m}^3/\text{giờ}$, quạt hút làm nguội có công suất 22kw tương đương $22.000\text{m}^3/\text{giờ}$, tổng công suất = $66.000\text{m}^3/\text{giờ}$) dẫn không khí có chứa bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất qua Cyclon lắng bụi, sau đó qua buồng lắng bụi, lượng bụi phát sinh sẽ được thu hồi 95%, đến khi ra môi trường chỉ còn là khí sạch.

**Hai hệ thống được tư vấn, thiết kế và thi công bởi nhà thầu công ty TNHH một thành viên cơ khí xây dựng An Thành Phát*

Hai dây chuyền có chung công nghệ xử lý

*** Công nghệ xử lý**

Quy trình hệ thống xử lý bụi của nhà máy hiện tại như sau:

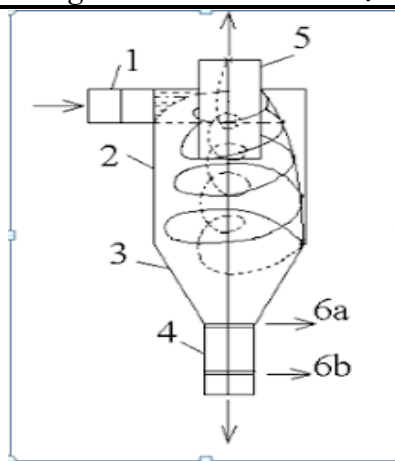
Bụi từ dây chuyền NPK → Cyclone lọc bụi → quạt hút → hầm lắng bụi khô/ ướt → Ống thoát thải → Môi trường

*** Thuyết minh:**

- Nguyên lý hoạt động của các thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tại các công đoạn có phát sinh bụi thải đều được lắp đặt đồng bộ quạt hút bụi vào các cyclon tương ứng. Khí có chứa bụi từ các điểm được hút vào ống hút dẫn qua Cyclon. Tại Cyclon với thiết kế “xoắn ốc” khi không khí đi qua sẽ tách được các hạt bụi lớn nhất (trọng lượng nặng hơn) sẽ lắng xuống đáy cyclon. Khi qua Cyclon sẽ tách được khoảng 90% bụi. Các hạt bụi lẫn trong khí không lắng xuống sẽ được dẫn qua buồng lắng bụi khô, ướt nhiều vách ngăn. Buồng lắng bụi khô, ướt với cơ cấu các cửa zigzag nhiều cấp các hạt bụi trong khí đi qua sẽ được lắng lại thêm 1 lần nữa. Sau khi đi qua buồng lắng bụi, thành phần trong khí lúc này đã sạch được 95% lượng bụi ban đầu. Lúc này khí vẫn còn lẫn một lượng bụi nhẹ không đáng kể, lượng không khí này sẽ theo ống dẫn khí nối với các ống khói của hệ thống dây chuyền sản xuất và thoát ra ngoài môi trường, khí thoát ra từ ống khói sẽ đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009- BTNMT cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,0$.

Bụi lắng tại mỗi buồng lắng bụi khô sẽ được thu hồi định kì hàng tuần và đưa quay trở về tái sử dụng như nguyên liệu đầu vào của hệ thống sản xuất. Bụi lắng tại buồng lắng ướt, sẽ tạo thành cặn, được thu hồi định kỳ 3-6 tháng tùy tình hình sản xuất. Cặn phân bón được thu gom, và đem tái sản xuất.



- | | | |
|----------------------|-----------------------|------------------|
| 1. Cửa khí + bụi vào | 2. Thân hình trụ đứng | 3. Thân hình côn |
| 4. Ống xả bụi | 5. Ống thoát khí sạch | 6. Van xả bụi |

Hình 5. Cấu tạo Cyclon

*** Thống số kỹ thuật hệ thống**

Bảng 5. Bảng mô tả thông số của hệ thống xử lý khí thải dây truyền NPK

TT	Dây truyền	Công suất (m ³ /giờ)	Thể tích buồng lắng khô 1	Thể tích buồng lắng khô 2	Thể tích buồng lắng ướt	Đường kính ống khói (m)	Chiều cao ống khói (m)
1	NPK 20.000 tấn/năm	66.000	$3,88 \times 6,2 \times 3,5 = 84,2 \text{ m}^3$	$3,88 \times 3,8 \times 3 = 44,2 \text{ m}^3$	$3,88 \times 5 \times 3 = 58,2 \text{ m}^3$	1,0	15
2	NPK 30.000 tấn/năm	82.000	$3,88 \times 6,2 \times 3,5 = 84,2 \text{ m}^3$	$3,88 \times 6,2 \times 3,5 = 84,2 \text{ m}^3$	$3,88 \times 7,5 \times 3,5 = 101,8 \text{ m}^3$	1,2	15

Tương ứng với đường ống vào quạt là 700mm, đường kính ống bụi + khí từ các lò sấy là 700mm, phù hợp với đường kính ống vào, ra Cyclon.

Đường kính Cyclon

$D = 1400 \text{ (mm)}$

Đường kính ống ra bụi

$D_e = 350 \text{ (mm)}$

Chiều cao ống thải $H = 15\text{m}$ (tính từ mặt đất)

- Quy trình vận hành và bảo dưỡng

Cyclon lắng bụi là khâu trung gian của lò sấy và quạt hút thu hơi từ lò sấy, làm nguội không có thiết bị gì ảnh hưởng tới quy trình vận hành của cả dây chuyền. Người vận hành định kỳ tháo liệu ra từ đáy Cyclon khi nó đầy.

- Vệ sinh định kỳ đường ống 1 lần/ tháng. Phương pháp tháo các cửa mở phụ trên đường ống, dùng gạt gạt bỏ liệu bám chắc trong các đường ống, có thể kết hợp dùng búa để gõ cho liệu rơi ra

- Cơ cấu van xả kiểm tra theo dõi định kỳ thường xuyên 1 lần/ tuần, phương pháp tác động một lực nhất định để cơ cấu có thể tự đóng mở trơn tru, có thể dùng khí xịt vệ sinh chỗ van xả.

- Hàm lắng bụi khô định kỳ được vệ sinh thu hồi toàn bộ bụi lắng vào các bao Jumbo dung tích 1 tấn để tuần hoàn tái sử dụng cho dây truyền sản xuất phân bón NPK

- Hàm lắng bụi ướt, định kỳ được vệ sinh thu hồi bùn lắng vào bao PE để tuần hoàn tái sử dụng cho dây truyền sản xuất phân bón NPK

2.2. Hệ thống thu bụi túi vải.

Tại khu vực nạp liệu, nghiền và băng tải của 2 dây chuyền 20.000 tấn/năm và 30.000 tấn/năm nhà máy đã được trang bị 02 hệ thống thu bụi túi vải với quy mô công suất xử lý 11.000m³/h. Sau khi thu hồi bụi được chứa vào bao jumbo có dung tích chứa 1 tấn/1 bao, toàn bộ lượng bụi thu hồi, đưa lại vào quá trình sản xuất của ca tiếp theo để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường và tiết kiệm chi phí sản xuất.

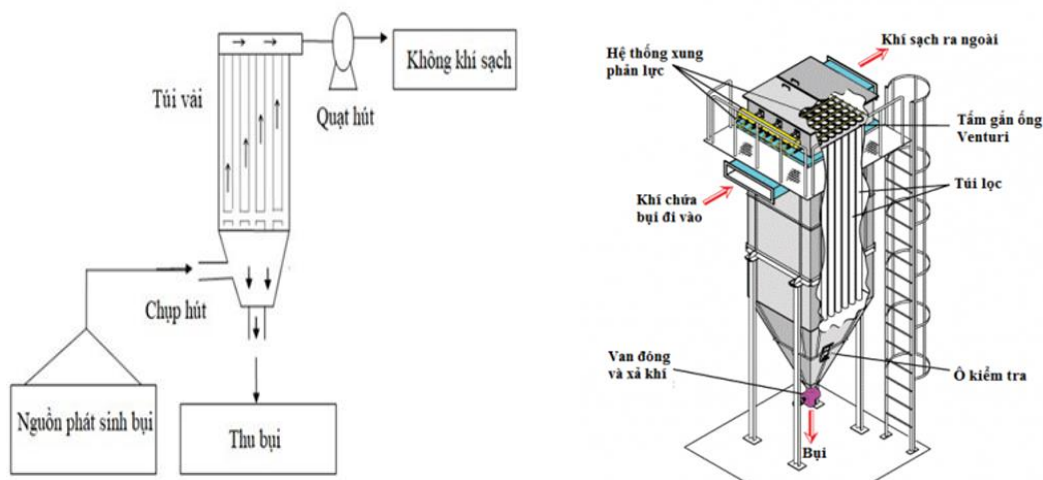
**Tư vấn thiết kế và thi công hệ thống Cty TNHH tư vấn thiết kế máy công nghiệp Bình Minh*

Sơ đồ nguyên lý công nghệ xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải được mô tả trên hình dưới đây:

- Thiết kế hệ thống

- + Khung bao quanh gọi là vỏ máy.
- + Van đầu ra nơi khí sạch sau khi đã được lọc bụi đi ra.
- + Đường ống đầu ra đường ống dẫn khí sạch sau khi được lọc.
- + Đường ống đầu vào dẫn khí bẩn chứa bụi đi vào thiết bị.
- + Phễu chứa bụi rơi xuống khi rung, giữ bụi.
- + Cửa xả bụi dùng cơ cấu đối trọng, khi bụi tới khối lượng mặc định nào cửa sẽ tự xả ra ngoài.
- + Giá đỡ hay khung đỡ bằng tấm thép giúp làm cho các túi lọc chắc chắn hơn
- + Cầu thang công nhân kiểm tra thay thế túi lọc khi bị hỏng hóc.
- + Khí nén giúp làm sạch bụi.
- + Túi lọc và lồng thép.
- + Van giữ bụi

+ Quạt hút tạo áp âm tới các điểm thu bụi thông qua lọc bụi trung gian.



Hình 6. Cấu tạo hệ thống thu bụi túi vải

- Thông số kỹ thuật

- + Lưu lượng: 11.000 m³/giờ/1 hệ thống
- + Công suất động cơ: 11kw/1 hệ thống
- + Đường kính ống thổi khí: Ø400 mm
- + Kích thước túi lọc: D150x1500mm
- + Số lượng túi lọc: 64 cái /1 hệ thống
- + Van giữ bụi: DN27 x 8 cái/1 hệ thống

- Cơ chế hoạt động

Hỗn hợp không khí có lẫn bụi đi qua thiết bị lọc bụi túi vải và phân phối toàn bộ vào các ống hay các túi lọc.

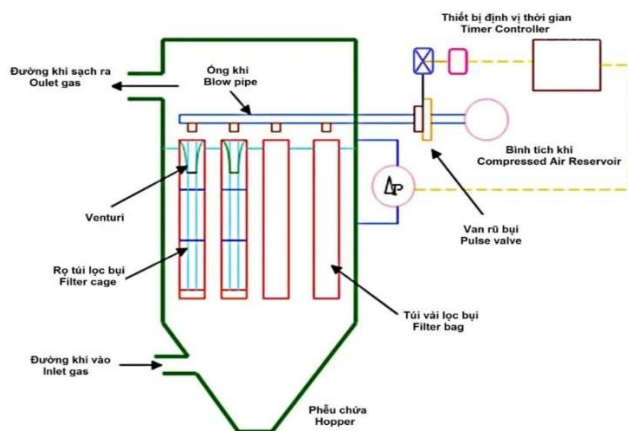
Các hạt bụi lớn hơn khe giữa của lọc bụi túi sẽ được giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây.

Các hạt bụi nhỏ sẽ bám dính trên bề mặt sợi vải do va chạm các hạt với nhau, dưới tác dụng của lực hút tĩnh điện và lực hấp dẫn. Lớp bụi này sẽ cùng với thành của túi hình thành nên lớp trợ lọc.

Với khả năng trên thì hệ thống lọc bụi túi có khả năng loại được các hạt bụi có kích thước rất nhỏ.

Sau một thời gian thì lớp bụi sẽ ngày càng dày hơn dẫn đến trở lực cho toàn bộ hệ thống ngày càng lớn.

Lúc đó ta phải ngưng hoạt động thiết bị và tiến hành loại bỏ bụi bám trên bề mặt bằng khí nén hay bằng cơ học. Quá trình này được gọi là quá trình giữ bụi hay hoàn nguyên khả năng lọc.

- Thiết kế hệ thống**Hình 7. Cấu tạo, thiết kế hệ thống thu bụi túi vải**

Với lưu lượng bụi và không gian cần thu, lưu lượng cần thu 11.000 m³/h, tương đương công suất quạt là 11kw

Lựa chọn túi vải trong môi trường phân bón này ta chọn túi lọc vừa chống bám bụi vừa chống bám nước, chịu được ăn mòn, ta chọn túi vải lọc Polyester. Vận tốc lọc 5 m³/m²/min → túi vải kích thước 150 x 1.500 mm

Số lượng 8 x 8 = 64 túi theo thiết kế buồng lọc cho phù hợp

Tương ứng với số túi lọc này số lượng van giữ sẽ là 8 van

- Quy trình vận hành**1. Khởi động**

Mở apt công tơ điện → Bật quạt hút trước → Bật bộ giữ

2. Tắt máy

Tắt quạt hút → Chờ 15s → Tắt bộ giữ

- Quy trình bảo dưỡng

- Kiểm tra túi lọc tháo vệ sinh xịt sạch 1 lần/ tháng
- Định kỳ bơm mỡ, bổ sung dầu mỡ nếu thiếu tại vị trí các vòng bi
- Vệ sinh đường ống và lọc bụi định kỳ 1 lần/ tháng

2.3. Quan trắc khí thải định kỳ

Ghi chú: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét:

Các chỉ tiêu giám sát về chất lượng khí thải tại 01 vị trí của Công ty cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp = 1,0; Kv = 1,0)

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Năm 2024	1,5	Tổ dịch vụ vệ sinh môi trường xã Đông Lâm	1,5
	Tổng cộng	1,5		1,5

Thông kê CTCRNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCRNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phân bón rơi vãi: Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất (tại cơ sở)	30.200	Tái sử dụng vào quy trình sản xuất	30.200
2	Bao bì đựng phân bón: Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT)	7000	Tổ dịch vụ vệ sinh môi trường xã Đông Lâm	7000
3	Chất thải phải xử lý	0		0

Thông kê các loại chất thải rắn thông thường khác (nếu có): Không có

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Thông kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) của nhà máy năm 2024 như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng (kg)
	Găng tay giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	10	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	01

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng (kg)
	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	01
	Các loại dầu mỡ thải	17 02 03	20	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	04
	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	13 01 02	5	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	04
	Ấp quy chì thải	19 06 05	10	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	01
	Bao bì bằng kim loại nhiễm TPNH	18 01 03	10	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	01
	Hộp mực in thải	08 02 04	15	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	01
	Bao bì nhiễm TPNH	14 01 05 14 01 06	10	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	02
	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước	03 04 08 12 06 05	100	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	30
	Chất thải rắn có chứa TPNH	03 04 09	5	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	01

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng (kg)
	Chất thải công nghiệp thông thường		50	Khác (Thuê Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn xử lý theo quy định)	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn,	05
	Tổng số lượng		245			51

(i) Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Không có

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Để đảm bảo công tác an toàn lao động cho công nhân viên làm việc tại nhà máy Chủ dự án

- Hằng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhà máy thì phải lập và phê duyệt kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động;

- Xây dựng, rà soát nội quy, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật tư (kể cả khi đổi mới công nghệ, máy, thiết bị, vật tư) và nơi làm việc;

- Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến một số hiểu biết cơ bản về an toàn điện cho cán bộ công nhân viên.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

5.2.1. Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động bao gồm, mũ bảo hiểm, găng tay, khẩu trang, ủng

- Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong nhà máy; phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn- vệ sinh viên;
- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động 1 năm/1 lần
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động 1 năm/1 lần
- Tổ chức giám định tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động sau khi đã được điều trị ổn định;
- Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động, công tác huấn luyện, đăng ký, kiểm định.
- Phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn nhà máy tổ chức phát động phong trào quần chúng thực hiện an toàn - vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường ở cơ sở lao động.

5.2.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ

Khi dự án đi vào hoạt động sự tập trung công nhân viên với các hoạt động trong khu vực có thể xảy ra gây ra nguy cơ cháy nổ. Do đó để giảm thiểu tới mức tối đa khả năng xảy ra sự cố Nhà máy áp dụng các biện pháp sau:

- Đặt ra các nội quy, biển báo cấm lửa trong khu vực nhà máy.
- Cấm các chất dễ cháy nổ vào khu nhà máy.
- Cấm hút thuốc trong khu vực sản xuất và các vùng dễ cháy.
- Thường xuyên huấn luyện công nhân viên về công tác phòng cháy, chữa cháy.
- Đối với cầu dao điện tổng, tại kho xưởng, văn phòng đều lắp đặt bằng cầu dao điện tự động có khả năng tự ngắt điện khi đường dây điện quá tải hoặc do chập mạch.
- Thường xuyên tiến hành dọn cỏ, lá khô dễ cháy tại khuôn viên nhà máy, tạo băng chắn cách ly với bên ngoài để chống cháy lan.
- Tổ chức kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các bảng tuyên truyền, biển báo cấm

lửa, nhắc cán bộ công nhân viên sản xuất gần khu vực nhà máy thực hiện cam kết về phòng cháy chữa cháy.

- Có kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng dây chuyền máy móc thiết bị của nhà máy thường xuyên.

5.2.3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

- Bố trí bãi đỗ xe, lối ra vào hợp lý, thông thoáng không bị cản tầm nhìn đồng thời bố trí công nhân kiểm tra giám sát hoạt động giao thông ra vào nhà máy một cách nghiêm chỉnh;

- Phải đỗ xe đúng nơi quy định của nhà máy.

- Đặt các biển báo tốc độ xe khi ra vào nhà máy.

- Có những cảnh báo ở các khu vực nguy hiểm.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị y tế tại các khu vực hoạt động của nhà máy.

5.2.3. An toàn điện

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, các phụ tải và các thiết bị điện của khu sản xuất.

- Trang bị các thiết bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn, công suất sử dụng.

- Để đảm bảo an toàn điện cho người sử dụng điện, các công nhân vận hành, sửa chữa hệ thống điện của công trình, tất cả các vỏ bảng tủ điện, động cơ điện, các khung sườn máy bằng kim loại... đều được thiết kế tiếp đất an toàn theo đúng quy định trong quy chuẩn an toàn điện hiện hành.

5.2.4. Phòng chống sét

- Theo tiêu chuẩn xây dựng TCXD 46:2007, mức độ bảo vệ công trình: Công trình cấp I.

- Hệ thống chống sét dùng cho công trình này là loại kim thu sét đảm bảo về chất lượng cũng như kỹ thuật lắp đặt và khả năng phòng chống sự cố.

- Các cọc dùng trong tiếp đất là cọc mạ đồng đường và các điểm cao nhất của bãi tiếp đất (đầu, cọc, dây đồng) phải nằm sâu cách mặt đất tối thiểu theo quy định.

- Hàng năm cần phải đo kiểm tra lại hệ thống đảm bảo không có sự cố vào

5.2.5. Biện pháp giảm thiểu các sự cố máy móc thiết bị quá trình hoạt động

Trang bị máy móc thiết bị đảm bảo chất lượng, đồng bộ, khép kín như thiết kế tương ứng với công suất dự kiến.

Kiểm tra lắp đặt hoàn thiện, bố trí chạy thử trước khi đưa vào vận hành chính thức. Đồng thời lên kế hoạch kiểm tra giám sát sửa chữa máy móc định kỳ.

Có kế hoạch vận hành phù hợp đảm bảo công suất hoạt động của máy móc.

Nhà xưởng tính toán thiết kế đảm bảo chất lượng không bị ảnh hưởng của thời tiết đến máy móc thiết bị của nhà máy.

Có kế hoạch đề phòng hạn chế sự ảnh hưởng của điện lưới đến hệ thống điện của nhà máy.

Bố trí công nhân vận hành liên tục, thường xuyên kiểm tra giám sát đảm bảo hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải, nước thải hay công tác thu gom chất thải rắn.

Kết hợp hài hoà yếu tố máy móc, con người và tự nhiên trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sự phát triển bền vững lâu dài đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp là mục tiêu chính của Nhà máy

Khi có sự cố xảy ra Nhà máy sẽ nhanh chóng phối hợp với đơn vị chức năng kịp thời sửa chữa, khắc phục và đưa vào vận hành trong thời gian sớm nhất.

5.2.6. Biện pháp giảm thiểu các sự cố và an toàn hóa chất

** Phương án lưu trữ hóa chất an toàn*

Hóa chất được lưu trong kho chứa chuyên dụng. Kho chứa hóa chất đảm bảo được yêu cầu an toàn cho những người làm việc ở gần và không gây ô nhiễm môi trường:

- Được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ. Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất từng loại hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót... hóa chất.

- Được sắp xếp để hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng lúc, đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể nhìn thấy nhãn.

Chỉ cho phép người hiểu rõ, tuân thủ các quy định an toàn hóa chất mới được phép sử dụng hóa chất. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho người sử dụng, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.

Có đủ các thiết bị cấp cứu cần thiết và hoạt động tốt.

Có dữ liệu an toàn về hóa chất:

- Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có).
- Thành phần hóa chất.
- Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.
- Cách sử dụng và lưu hóa chất.
- Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy.
- Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính.

** Nguyên tắc xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố như sau:*

- + Xử lý tại chỗ theo đúng quy trình;
- + Ghi chép lại sự cố, biện pháp xử lý đã thực hiện.
- + Báo cáo người phụ trách kho hóa chất về sự cố này.
- Nhà máy có trách nhiệm:
 - + Đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố an toàn hóa chất tại kho chứa;
 - + Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, xử lý sự cố an toàn hóa chất bao gồm các nội dung cơ bản sau: xác định, khoanh vùng các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố an toàn hóa chất tại kho chứa; các biện pháp, trang thiết bị, nhân lực để xử lý và khắc phục sự cố; phương án phối hợp với các cơ quan có liên quan để ứng phó sự cố an toàn hóa chất;
 - + Đào tạo, tập huấn cho công nhân về các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố an toàn hóa chất.

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT
PHÂN BÓN NICOTEX
TIỀN HẢI**

PHỤ LỤC : PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: T3 158 phố Hạ Đình, p. Thanh Xuân Trung, q. Thanh Xuân, Hà Nội

BIÊN BẢN LẤY MẪU HIỆN TRƯỜNG

Hôm nay tại: Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex

Địa chỉ: Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình

chúng tôi gồm:

Bên A: . công ty Nicotex

Ông (Bà):.....

Bên B: Viện nghiên cứu Công nghệ và Phân tích môi trường

Ông (Bà):*T.K. Q. V. T. K.*..... - Đại diện nhóm lấy mẫu.

Cùng nhau lập biên bản lấy mẫu với các nội dung như sau:

Bên B tổ chức quan trắc khảo sát, đo đạc, lấy mẫu hiện trạng môi trường theo nội dung 2 bên đã thống nhất.

Thời gian bắt đầu lấy mẫu môi trường: Từ *9* giờ *00* phút, ngày *11.3.2024* và kết thúc đợt lấy mẫu vào hồi giờ phút, ngày *11.3.2024*.

Số lượng mẫu gồm:

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
KT	Mẫu khí thải tại ống trong xưởng sản xuất	X: <i>2255847.95</i> Y: <i>607534.40</i>	
NT	Mẫu nước thải đầu ra của công ty	X: <i>2255840.97</i> Y: <i>607540.40</i>	

Phương pháp lấy mẫu, phương thức bảo quản vận chuyển mẫu theo các thủ tục quy định lấy mẫu bảo quản mẫu của các TCVN.

Biên bản lấy mẫu được lập làm 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Phương Linh

ĐẠI DIỆN NHÓM LẤY MẪU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm T. K.

Các biên bản lấy mẫu hiện trường được đính kèm với biên bản này

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0539/26 / 03 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công ty Nicotex Thái Bình
3	Địa chỉ	KCN Tiền Hải - Thái Bình
4	Địa điểm lấy mẫu	Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình
5	Ký hiệu mẫu	KT: Mẫu khí thải tại ống trong xưởng sản xuất X: 2255847.95 Y: 607534.1
6	Ngày lấy mẫu: 12/03/2024	Ngày phân tích: 12/03/2024-26/03/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	QCSS
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	136	200
2	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	KPHT	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPHT	500
4	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	8,96	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ
- KPHT: Không phát hiện thấy

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Th.S Vũ Quang Huy****TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH****Nguyễn Phan Hương Ly**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG**PGS. TS Đinh Ngọc Tấn**

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
3. (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội
Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0540 / 26 / 03 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
2	Tên khách hàng	Công ty Nicotex Thái Bình
3	Địa chỉ	KCN Tiền Hải - Thái Bình
4	Địa điểm lấy mẫu	Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình
5	Ký hiệu mẫu	NT: Mẫu nước thải đầu ra của công ty X: 2265810.97 Y: 607540.46
6	Ngày lấy mẫu: 12/03/2024	Ngày phân tích: 12/03/2024-26/03/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5 đến 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	9,6	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	83,66	100
4	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	1,3	-
5	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,08	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,28	10
7	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2400	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Cột B - Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Th.S Vũ Quang Huy

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích



VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: T3 158 phố Hạ Đình, p. Thanh Xuân Trung, q. Thanh Xuân, Hà Nội

BIÊN BẢN LẤY MẪU HIỆN TRƯỜNG

Hôm nay tại: Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex

Địa chỉ: Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình

chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty Nicotex

Ông (Bà): Nguyễn Gia Kỳ

Bên B: Viện nghiên cứu Công nghệ và Phân tích môi trường

Ông (Bà): Ths. Việt Khanh - Đại diện nhóm lấy mẫu.

Cùng nhau lập biên bản lấy mẫu với các nội dung như sau:

Bên B tổ chức quan trắc khảo sát, đo đạc, lấy mẫu hiện trạng môi trường theo nội dung 2 bên đã thống nhất.

Thời gian bắt đầu lấy mẫu môi trường: Từ giờ phút, ngày 22/05/2024 và kết thúc đợt lấy mẫu vào hồi giờ phút, ngày 22/05/2024.

Số lượng mẫu gồm:

Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
KT	Mẫu khí thải tại ống trong xưởng sản xuất	X: 2255842.35 Y: 607534.10	
NT	Mẫu nước thải đầu ra của công ty	X: 2255810.97 Y: 607540.46	
KK	Mẫu không khí tại xưởng sản xuất	X: 2255815.93 Y: 607527.25	

Phương pháp lấy mẫu, phương thức bảo quản vận chuyển mẫu theo các thủ tục quy định lấy mẫu bảo quản mẫu của các TCVN.

Biên bản lấy mẫu được lập làm 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Gia Kỳ

ĐẠI DIỆN NHÓM LẤY MẪU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Việt Khanh

Các biên bản lấy mẫu hiện trường được đính kèm với biên bản này

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMSố: 1033 / 04 / 06 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công ty Nicotex Thái Bình
3	Địa chỉ	KCN Tiền Hải - Thái Bình
4	Địa điểm lấy mẫu	Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình
5	Ký hiệu mẫu	KT: Mẫu khí thải tại ống trong xưởng sản xuất (X: 2255847.95; Y: 607534.10)
6	Ngày lấy mẫu: 23/05/2024	Ngày phân tích: 23/05/2024 đến 04/06/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	QCSS
1	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	116	200
2	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	KPHT	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	KPHT	500
4	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	7,9	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Th.S Vũ Quang Huy

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMSố: 1035 / 04 / 06 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
2	Tên khách hàng	Công ty Nicotex Thái Bình
3	Địa chỉ	KCN Tiền Hải - Thái Bình
4	Địa điểm lấy mẫu	Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình
5	Ký hiệu mẫu	NT: Mẫu nước thải đầu ra của công ty (X: 2255810.97; Y: 607540,46)
6	Ngày lấy mẫu: 23/05/2024	Ngày phân tích: 23/05/2024 đến 04/06/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14 : 2008/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5 đến 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	62,71	100
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11,7	50
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	30,55	10
5	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	20,52	-
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,8	-
7	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	3100	5000

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Th.S Vũ Quang Huy****TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH****Nguyễn Phan Hương Ly**

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG**PGS. TS Đinh Ngọc Tấn**

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

3. (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMSố: 1039 / 09 / 06 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
2	Tên khách hàng	Công ty Nicotex Thái Bình
3	Địa chỉ	KCN Tiền Hải - Thái Bình
4	Địa điểm lấy mẫu	Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK: Mẫu không khí tại xưởng sản xuất (X: 2255815.93; Y: 607527,23)
6	Ngày lấy mẫu: 23/05/2024	Ngày phân tích: 23/05/2024 đến 04/06/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,5	70(QCVN26)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	143	300
3	Độ rung	dB	TCVN 6963:2011	15	75(QCVN27)
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	95	350
5	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	72	200
6	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	IETA.PT.KK-01	< 3000	30000
7	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5293:1995	76	200

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Th.S Vũ Quang Huy

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2024



PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
(*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 064/2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên

Địa chỉ quan trắc : dụng, phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện

Tiền Hải – xã Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình

Loại mẫu : Mẫu nước thải Ngày lấy mẫu: 30/09/2024

Ngày nhận mẫu : 30/09/2024 Ngày phân tích 01/10/2024

Tên mẫu : Nước thải

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	5,5-9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	33	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	26	100
4	NTs	mg/L	TCVN 6638:2000	10,29	-
5	PTs	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	-
6	Amoni	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,72	10
7	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW9221B:2023	3300	5000

Ghi chú:

- NT: Mẫu nước thải đầu ra của công ty (X: 2255811,0; Y=607541,2)
- QCVN 14:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- (-) không nằm trong quy chuẩn

Hà Nội, Ngày tháng năm 2024

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN QUAN TRẮC

QA/QC

Chữ ký

Chữ ký

Nguyễn Đức Chiến

Tào Văn Chí

Nguyễn Lê Đạt



- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày tra kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 063.../2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Nhà máy sản xuất phân bón sinh học, phân bón hỗn hợp, phân bón chuyên dụng,
Địa chỉ quan trắc : phân hữu cơ và thuốc phân của công ty Nicotex - Khu CN huyện Tiền Hải – xã
Đông Lâm – huyện Tiền Hải – tỉnh Thái Bình
Loại mẫu : Khí thải Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
Ngày nhận mẫu : 30/09/2024 Ngày phân tích 01/10/2024
Tên mẫu : Khí thải

2. KẾT QUẢ

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	
1	Bụi	mg/Nm ³	TCVN 5067:1995	85,71	200
2	CO	mg/Nm ³	VNCM.CO	2,28	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	TCVN 5971:1995	15,72	500
4	NH ₃	mg/Nm ³	TCVN 5293:1995	< 4	-

Ghi chú:

- KT: Mẫu khí thải tại ống trong xương sản xuất (X= 2255842,7; Y= 607529,8)
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN QUAN TRẮC

QA/QC

KIỂM VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chiến

Tào Văn Chí

Nguyễn Lê Đạt

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày tra kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số:595 /2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Đơn vị lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân Bón Nicotex Miền Bắc
Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy sản xuất Phân bón - Công ty cổ phần phân bón Nicotex miền Bắc
- KCN Tiền Hải – Đông Lâm – Tiền Hải – Thái Bình
Loại mẫu : Khí thải Ngày lấy mẫu : 27/12/2024
Ngày nhận mẫu : 28/12/2024 Ngày phân tích : 28/12/2024
Tên mẫu : Khí thải

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009 /BTNMT (Cột B)
				KT1	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	106,84	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.SO ₂	5,24	500
3	CO	mg/Nm ³	VNCM.KT.CO	0	1000
4	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	< 4 (MDL)	50

Ghi chú:

- KT1: Mẫu khí thải tại ống trong xưởng sản xuất (X=2255847,95; Y=607534,20);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QA/QC

Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Lê Đạt

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường;
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày tra kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số:596/2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Đơn vị lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân Bón Nicotex Miền Bắc
Địa chỉ lấy mẫu : Nhà máy sản xuất Phân bón - Công ty cổ phần phân bón Nicotex miền Bắc – KCN Tiền Hải – Đông Lâm – Tiền Hải – Thái Bình
Loại mẫu : Nước thải Ngày lấy mẫu : 27/12/2024
Ngày nhận mẫu : 28/12/2024 Ngày phân tích : 28/12/2024
Tên mẫu : Nước thải

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B)
				NT01	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,77	5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001- 1:2021	6,31	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	18	100
4	Amoni	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,83	10
5	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	5,67	-
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	1,08	-
7	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	3900	5000

Ghi chú:

- NT01: Nước thải đầu ra của công ty (X=2255810,97; Y=607540,46);
- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- (-) Không nằm trong quy chuẩn.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QA/QC

Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn



Nguyễn Lê Đạt

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.